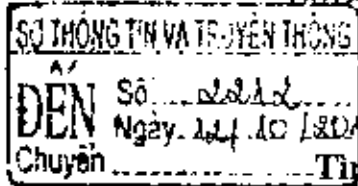


Số *29* /BC-UBND

Lai Châu, ngày *05* tháng *10* năm 2017



## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH, đảm bảo QP-AN  
9 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2017**

### Phần thứ nhất

#### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

Triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2017. UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch, ban hành Chương trình hành động để chỉ đạo thực hiện. Trong 9 tháng đầu năm, bên cạnh những thuận lợi nhưng còn không ít khó khăn; dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng an ninh được đảm bảo, kết quả cụ thể:

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC NGÀNH LĨNH VỰC**

##### **1. Về phát triển kinh tế**

*1.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản, xây dựng nông thôn mới;  
công tác phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai*

*a. Sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản, xây dựng nông thôn mới*

Lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới, công tác thu hút đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn được tập trung chỉ đạo và đạt nhiều kết quả: Việc triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ sản xuất đạt kết quả rõ nét, cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi có sự chuyển biến tích cực, nhiều mô hình, dự án bước đầu cho kết quả tốt; các chỉ tiêu sản xuất chè, trồng rừng mới vượt kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ năm trước; chấp thuận và tạo điều kiện cho tập đoàn TH True Milk khảo sát, chuẩn bị triển khai 03 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh<sup>(1)</sup>; phối hợp với Hiệp hội

<sup>(1)</sup> Bao gồm: Trồng chè tại huyện Mường Tè; trồng và chế biến dược liệu tại huyện Sin Hồ; chăn nuôi bò sữa tại huyện Tam Đường.

Mắc Ca Việt Nam và Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tổ chức thành công Hội thảo tư vấn và cho vay, đào tạo, canh tác cây Mắc Ca. Tuy nhiên do ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu và sâu bệnh làm một số diện tích lúa bị thiệt hại<sup>(2)</sup>, tiến độ thu hoạch lúa mùa và ngô xuân hè chậm so với cùng kỳ nên sản lượng lương thực đạt thấp so với kế hoạch và giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 55.110 ha, diện tích đã thu hoạch ước đạt 39.628 ha, sản lượng ước đạt 147.510 tấn, bằng 69,3% kế hoạch, giảm 2.520 tấn so với cùng kỳ năm trước; trong đó: sản lượng lúa ước đạt 86.610 tấn, giảm 1.270 tấn<sup>(3)</sup>; sản lượng ngô ước đạt 60.900 tấn, giảm 1.250 tấn.

Sản xuất chè đạt kết quả tốt, trồng mới ước đạt 885 ha<sup>(4)</sup>, vượt kế hoạch 255 ha, tăng 291 ha, sản lượng chè búp tươi ước đạt 21.200 tấn, tăng 2.600 tấn so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây cao su đưa vào khai thác mù đạt 1.560 ha, sản lượng ước đạt 430 tấn mù khô. Phát triển các loại cây ăn quả phù hợp với khí hậu từng vùng, đến nay là 5.352 ha (trong đó: Cây chuối 3.670 ha; cây cam, quýt, chanh 478 ha; cây ăn quả khác 1.204 ha). Đang xây dựng, hoàn thiện Đề án khuyến khích phát triển cây Mắc ca trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; đã chuẩn bị được 0,3 triệu cây giống Mắc ca, diện tích trồng mới ước đạt 437,3 ha<sup>(5)</sup>, nâng tổng diện tích cây Mắc ca hiện có trên địa bàn toàn tỉnh đạt 706,9 ha.

Ngành chăn nuôi gặp khó khăn, xảy ra 08 ổ dịch trên đàn gia súc làm 375 con mắc bệnh, trong đó 79 con bị chết; tổng đàn gia súc ước đạt 345.270 con, tốc độ tăng đàn ước đạt 2,67%, giảm 0,85% so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.990 tấn, bằng 86,5% kế hoạch, tăng 270 tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thực hiện trồng mới 3.799 ha rừng, tăng 622 ha so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Trồng rừng mới theo kế hoạch đạt 2.918 ha (Quế 2.495 ha; Sơn tra 423 ha), vượt kế hoạch 19%; trồng rừng thay thế các công trình thủy điện đạt

<sup>(2)</sup> Diện tích lúa Đông xuân bị ảnh hưởng đến năng suất 343 ha, gồm: 300 ha lúa trà sớm bị lép hạt do thời tiết (trong đó: 70 ha mất trắng); 43 ha lúa bị bệnh đạo ôn cổ bông gây hại nặng từ 10% trở lên (trong đó: gần 21 ha mất trắng); 3.530 ha diện tích lúa mùa cây chậm và thu hoạch muộn hơn so với cùng kỳ 2016; mưa lũ làm thiệt hại 1,7 ha lúa nương tại huyện Mường Tè.

<sup>(3)</sup> Lúa Đông Xuân: Diện tích gieo cấy 6.693 ha, vượt kế hoạch 1,4%, tăng 254 ha; năng suất đạt 53,9 tạ/ha (KH: 55 tạ/ha); sản lượng ước đạt 36.080 tấn, đạt 99,3% KH. Lúa mùa: Diện tích gieo cấy đạt 22.432 ha, đạt 102,1% KH, tăng 1.897 ha so với cùng kỳ năm trước; đã thu hoạch 6.870 ha, năng suất ước đạt 46,6 tạ/ha, sản lượng 32.080 tấn (đạt 31,3% KH), giảm 15.760 tấn. Lúa nương: Diện tích gieo cấy 3.723 ha, đạt 97,8% KH, giảm 684 ha; năng suất ước đạt 10,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 3.830 tấn, đạt 98% KH, giảm 790 tấn.

<sup>(4)</sup> Tân Uyên 475 ha; Than Uyên 190,4 ha; Tam Đường 89,8 ha; Phong Thổ 20,5 ha; Sơn Hồ 60 ha; Thành phố 49 ha

<sup>(5)</sup> Tam Đường 52 ha; Tân Uyên 150 ha; Phong Thổ 37 ha; Sơn Hồ 63 ha; Mường Tè 130,3 ha; các đồn biên phòng 05 ha.

881 ha; tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 47,1%. Thực hiện thu từ các bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng 251,52 tỷ đồng, diện tích được chi trả dịch vụ môi trường rừng 418.967 ha. Công tác phòng, chống cháy rừng trong mùa khô được tập trung chỉ đạo quyết liệt, tuy nhiên vẫn xảy ra 06 vụ cháy làm thiệt hại 14,68 ha rừng (giảm 01 vụ, giảm 2,28 ha rừng so với cùng kỳ năm trước).

Công tác xây dựng nông thôn mới: Phân bổ vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; ban hành: Bộ tiêu chí về xã NTM tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020, danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020;.... Đến nay, đã thực hiện được 175,46 km đường giao thông nông thôn, xây dựng mới và sửa chữa 25 công trình thủy lợi, tổ chức nạo vét 250km kênh mương; ước thực hiện tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt 11,95 tiêu chí/xã, tăng 0,05 tiêu chí/xã so với cuối năm 2016<sup>(6)</sup>; đối với 04 xã theo kế hoạch năm 2017 có xã Nậm Loóng cơ bản đạt 19 tiêu chí, các xã còn lại mới chỉ đạt 14-16 tiêu chí<sup>(7)</sup>.

Thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016, tập trung hỗ trợ giống lúa, ngô, phát triển cây chè, Quế, Sơn Tra: Tổng kinh phí phân bổ 135.754 triệu đồng, kinh phí đã thực hiện 41.153 triệu đồng, đạt 30,3%.

#### *b. Công tác phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai:*

Công tác phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai được tập trung chỉ đạo thực hiện, chủ động ứng phó với các tình huống mưa, lũ, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thông tin kịp thời, giảm thiểu thiệt hại; tổ chức các Đoàn kiểm tra công tác phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả mưa lũ tại các huyện Tam Đường, Tân Uyên, Thuận Uyên. Đã xảy ra 13 đợt thiên tai, hậu quả làm 15 người chết, 801 nhà ở bị ảnh hưởng, 499,2 ha cây trồng các loại bị thiệt hại, 10 ha đất nông nghiệp bị vùi lấp, 533 con gia súc, gia cầm bị chết; 83 công trình thủy lợi, 17 công trình cấp nước sinh hoạt bị hư hỏng, nhiều tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, giao thông liên xã, liên bản trên địa bàn tỉnh bị sạt lở đất đá taluy, sụt lún mặt đường, hư hỏng cống, rãnh thoát nước,... tổng thiệt hại ước tính trên 241 tỷ đồng. Các cấp, các ngành đã tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai sau các đợt mưa lũ, dông, lốc.

<sup>(6)</sup> Trong đó có 20 xã hoàn thành 19 tiêu chí, tăng 05 xã so với cùng kỳ năm trước; 01 xã đạt 15- 18 tiêu chí, giảm 07 xã; 38 xã đạt 10-14 tiêu chí, giảm 04 xã; 37 xã đạt 5-9 tiêu chí, tăng 06 xã.

<sup>(7)</sup> Cụ thể (đánh giá theo các tiêu chí tại QĐ số 935/QĐ-UBND ngày 30/8/2017): Xã Nậm Loóng cơ bản hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới, tuy nhiên để xét công nhận đạt chuẩn năm 2017 thì xã cần nâng cao thu nhập bình quân từ 25 triệu lên 26 triệu đồng/người/năm; Xã Mường Mít đạt 16/19 tiêu chí, còn 3 tiêu chí chưa đạt; Xã Thuận Thuộc đạt 14/19 tiêu chí, còn 5 tiêu chí chưa đạt; Xã Nậm Mạ đạt 14/19 tiêu chí, còn 5 tiêu chí chưa đạt.

## *1.2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, quản lý giao thông, quản lý xây dựng và đô thị, đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN*

### *a. Sản xuất công nghiệp*

Thực hiện rà soát, tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh, cấp phép khảo sát cho 22 dự án thủy điện vừa và nhỏ xin bổ sung vào quy hoạch, đề nghị Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch 16 dự án thủy điện (*đã phê duyệt 02 dự án thủy điện Nậm Cẩu và Nậm Cẩu Thượng huyện Mường Tè*); phối hợp với Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án đường dây 220 KV Mường Tè - Lai Châu và Trạm biến áp 220 KV Mường Tè.

Sản xuất công nghiệp đạt khá so với kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.414,4 tỷ đồng (*giá so sánh năm 2010*), đạt 90,4% kế hoạch, tăng 23%; một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu: Chè khô các loại 4.130 tấn, đạt 85,7% kế hoạch, tăng 53,7%; điện phát ra 4.121,8 triệu kwh, đạt 86,4% kế hoạch, tăng 13,9%; gạch xây dựng 58,6 triệu viên, đạt 80,4% kế hoạch, tăng 31%; nước máy sản xuất 3,14 triệu m<sup>3</sup>, đạt 81,53% kế hoạch, tăng 2,8%; xi măng 9.345 tấn, đạt 71,34% kế hoạch, tăng 96%, đá đen 220 nghìn viên, đạt 88% kế hoạch, tăng 40,1%.

### *b. Công tác quản lý giao thông vận tải*

Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng công trình giao thông, quản lý và bảo trì đường bộ, đăng kiểm phương tiện: tổ chức kiểm tra, nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác sử dụng 06 công trình; quản lý và bảo dưỡng thường xuyên 1.172,1 km đường bộ; kiểm định cho 4.527 lượt phương tiện; cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho 4.011 lượt phương tiện; kiểm tra tải trọng xe 3.044 lượt phương tiện, phát hiện 82 phương tiện vi phạm tải trọng, xử phạt số tiền là 330 triệu đồng, tước GPLX 10 trường hợp, khối lượng hạ tải là 294,44 tấn.

### *c. Công tác quản lý xây dựng và đô thị*

Ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình, quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung một số vị trí trên địa bàn thành phố, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung một số vị trí trên địa bàn huyện Phong Thổ; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Chương trình phát triển đô thị thành phố Lai Châu giai đoạn 2017-2030; đã cấp phép xây dựng 618 công

trình<sup>(8)</sup>, cấp phép quy hoạch xây dựng 01 công trình. Triển khai 03 cuộc thanh tra về thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng, thu hồi 342,1 triệu đồng; tăng cường kiểm tra công tác quản lý cấp phép xây dựng nhà ở dân cư tại các đô thị, kiên quyết xử lý vi phạm, đặc biệt là trên địa bàn Thành phố.

#### *b. Quản lý đầu tư XD/CB nguồn NSNN*

Tập trung chỉ đạo, đôn đốc các Chủ đầu tư, đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án chuyên tiếp, giải quyết thủ tục hồ sơ các dự án khởi công mới, quyết toán các dự án hoàn thành.

Tổng kế hoạch Đầu tư công năm 2017 được giao đến hết ngày 30/9/2017 là 2.083,3 tỷ đồng, khối lượng thực hiện 834,7 tỷ đồng, giải ngân là 965,98 tỷ đồng, bằng 46,4% kế hoạch.

Tổng kế hoạch Đầu tư công năm 2016 được phép kéo dài thanh toán sang năm 2017 là 152,7 tỷ đồng, giải ngân đến hết ngày 30/9/2017 là 109,66 tỷ đồng, bằng 71,8% kế hoạch.

#### *1.3. Thương mại - dịch vụ*

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, giá cả hàng hóa trên địa bàn khá ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của Nhân dân, tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 3.512,2 tỷ đồng, đạt 81,1% kế hoạch, tăng 12,5%; chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước. Công tác xúc tiến thương mại, kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tập trung thực hiện<sup>(9)</sup>. Hoạt động xuất, nhập khẩu được đẩy mạnh, tổng giá trị xuất, nhập khẩu trên địa bàn ước đạt 9,63 triệu USD, vượt kế hoạch 2,4%, trong đó: giá trị xuất khẩu của địa phương đạt cao 6,78 triệu USD, vượt kế hoạch 18,9%, tăng 3,2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Các ngành dịch vụ du lịch, bưu chính viễn thông, vận tải tiếp tục phát triển, tăng cao so với cùng kỳ năm trước: 9 tháng đầu năm thu hút 180.657 lượt khách du lịch, đạt 75,3% kế hoạch, tăng 9,4%; doanh thu 283 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch; kết cấu hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư, hiện đang đầu tư xây dựng dự án Khu du lịch sinh thái trên đỉnh đèo Hoàng Liên Sơn dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác cuối năm 2017; bước đầu triển khai dự án khu Du lịch

<sup>(8)</sup> Trong đó: Cấp tỉnh 23 công trình, cấp huyện: 595 công trình

<sup>(9)</sup> Tham gia Hội chợ thương mại khu vực Đồng bằng Sông Hồng - Ninh Bình 2017. Các lực lượng chức năng đã kiểm tra 2.669 cơ sở, phát hiện và xử lý 274 vụ vi phạm, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính, bán hàng tịch thu thanh lý, trị giá hàng hóa tịch thu và tiêu hủy ước tính 655,22 triệu đồng.

Thác trắng. Số trạm BTS đạt 1.137 trạm, vượt kế hoạch 67%, tăng 68%; các nhà mạng viễn thông Viettel, Vinaphone, Mobiphone đã nâng cấp mạng 3G lên 4G; phủ sóng internet đến 101 xã phường, vượt kế hoạch 4%; tổng doanh thu vận tải ước đạt 143 tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước.

#### **1.4. Tài chính, ngân hàng**

- *Về thu - chi ngân sách*: Đã chủ động triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế. Tổng thu NSDP tính đến hết ngày 30/9/2017 đạt 6.692,68 tỷ đồng, bằng 107% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: tổng số thu NSNN trên địa bàn đạt 1.365,1 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ, bằng 78% dự toán HĐND tỉnh giao<sup>(10)</sup>. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 4.198,8 tỷ đồng, bằng 67% dự toán, trong đó chi thường xuyên đạt 2.979,5 tỷ đồng, bằng 65% dự toán.

- *Hoạt động ngân hàng*: Triển khai đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng; lãi suất huy động và lãi suất cho vay ổn định; ban hành chỉ thị triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, tăng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng. Lũy kế đến 30/9/2017: Tổng huy động vốn các ngân hàng trên địa bàn tỉnh ước đạt 16.552 tỷ đồng, tăng 3,63%; trong đó nguồn vốn huy động tại địa phương ước đạt 5.025 tỷ đồng, chiếm 54,2% tổng nguồn vốn khối NHTM, tăng 10,27%. Tổng dư nợ ước đạt 15.816 tỷ đồng, tăng 2,24% so với cùng kỳ năm trước; đã xử lý nợ xấu được 78,7 tỷ đồng; ước đến cuối tháng 9/2017, tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,5% tổng dư nợ.

#### **1.5. Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư; tình hình triển khai Nghị quyết 19-2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 của Chính phủ**

Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp được quan tâm, đã tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2017 cho 02 doanh nghiệp được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ với số tiền 5,5 tỷ đồng; số doanh nghiệp thành lập mới, số DN làm ăn có lãi, số thuế nộp ngân sách tỉnh tăng so với cùng kỳ năm trước: Đăng ký thành lập mới 129 DN, 18 HTX, tăng 34 DN, giảm 03 HTX; 1.110/1.227 DN kê khai thuế, chiếm 90,5% tổng số DN, trong đó 400 DN làm ăn có lãi, tăng 130 DN; số thuế nộp ngân sách tỉnh đạt trên 300 tỷ đồng, tăng 50 tỷ đồng; 117 doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, giảm 03 DN. Quyết định chủ trương đầu tư 15 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là

<sup>(10)</sup>Thực hiện 9 tháng 2016, thu NSNN trên địa bàn đạt 1.313 tỷ đồng, bằng 104% dự toán 2016.

2.632,3 tỷ đồng, giám 02 dự án so với cùng kỳ; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 11 dự án; thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư 01 dự án. Thực hiện rà soát, kiểm tra 34 dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh<sup>(1)</sup>. Xây dựng kế hoạch sắp xếp, đổi mới, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 của Chính phủ, đến nay: Thời gian giải quyết thủ tục trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh được rút ngắn còn 1,5 ngày, thời gian thực hiện khởi sự doanh nghiệp còn 05 ngày (KH: dưới 6 ngày); tỷ lệ DN kê khai thuế điện tử đạt 100%, trong đó tỷ lệ DN nộp thuế điện tử đạt 98%, thời gian nộp thuế 119 giờ/năm, bằng 98,3% kế hoạch (KH: 117 giờ/năm); 100% đơn vị sử dụng lao động thực hiện thủ tục nộp bảo hiểm xã hội cho đơn vị sử dụng lao động, người lao động qua hệ giao dịch điện tử; thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp dưới 35 ngày, đạt kế hoạch (KH dưới 35 ngày); ... Chuẩn bị tổ chức hội nghị đối thoại và tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu nhân ngày doanh nhân Việt Nam 13/10/2017.

## 2. Về Văn hóa - Xã hội

### 2.1. Giáo dục - Đào tạo

Tổ chức tổng kết năm học 2016 - 2017, chất lượng giáo dục được cải thiện, tỷ lệ học sinh khá giỏi đều tăng so với năm học trước, đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học tiếp tục được đầu tư<sup>(2)</sup>; tổ chức kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 99,25%. Chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở, vật chất, trường, lớp học và tổ chức khai giảng năm học 2017 - 2018. Tổ chức chương trình thi điểm sửa học đường. Chất lượng phổ cập giáo dục các cấp tiếp tục duy trì và nâng cao, tổ chức công nhận lại các huyện, thành phố Lai Châu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2016. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được chú trọng, hiện toàn tỉnh có 112 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm 26,1%), đạt

<sup>(1)</sup> Kết quả: 06 dự án đã hoàn thành; 17 dự án đang triển khai thi công; 01 dự án đang tạm dừng; 10 dự án đang hoàn thiện thủ tục pháp lý chưa khởi công. Công tác quản lý, quy hoạch, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, chứng nhận đầu tư, ... các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên một số Nhà đầu tư chậm hoàn thiện thủ tục, chưa thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết về bảo vệ môi trường, thi công sai khác với TKCS đã phê duyệt, ...

<sup>(2)</sup> Tổng kết năm học 2016 - 2017: tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 97,2%, tỷ lệ học sinh khá giỏi cấp THCS đạt 39,7%, THPT đạt 49,1%, GDTX đạt 29,9%; tăng so với năm học trước lần lượt là 1,4 điểm %, 4,9 điểm %, 5,8 điểm%, 10 điểm%. Đạt 10 giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 năm 2017; kết quả cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh có 49/87 dự án đạt giải; đạt 01 giải ba, 02 giải khuyến khích tại cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. Toàn tỉnh có 429 trường, tổng số phòng học 6.712 trong đó: 4.198 phòng kiên cố (chiếm 62,5%), 1.368 phòng bán kiên cố (chiếm 20,7%), 1.125 phòng học tạm (chiếm 16,8).

88,2% kế hoạch, tăng 18 trường so với cùng kỳ năm trước. Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2017; cử cán bộ, công chức, viên chức đi ôn, dự thi, đi học theo đúng quy định<sup>(13)</sup>.

## 2.2. Công tác y tế - chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Hoạt động khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, công tác y tế dự phòng được quan tâm thực hiện: Tổ chức khám chữa bệnh cho trên 753,5 nghìn lượt người, đạt 68% kế hoạch; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 94,5%; tình hình dịch bệnh cơ bản ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, một số bệnh truyền nhiễm giảm so với cùng kỳ<sup>(14)</sup>. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được duy trì và triển khai theo kế hoạch<sup>(15)</sup>, đến 5/9/2017 có 1.430 trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên (chiếm 19%), tăng 112 trẻ so với cùng kỳ năm trước.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai rộng rãi; tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, kinh doanh thực phẩm kém chất lượng, không rõ nguồn gốc<sup>(16)</sup>. Tuy nhiên xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại xã Ma Ly Chải, huyện Phong Thổ, tổng số ca nghi ngộ độc thực phẩm được khám tại các cơ sở y tế là 535 ca, số bệnh nhân xét nghiệm có độc chất là 39 ca, 10 ca tử vong; UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành chức năng và chính quyền địa phương triển khai các biện pháp khắc phục<sup>(17)</sup>.

## 2.3. Công tác Văn hoá - Thể thao, Thông tin truyền thông

Các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi; các Lễ Hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được tổ chức lành mạnh, tiết kiệm, an toàn. Tổ chức thành công Ngày hội văn hóa các dân tộc huyện Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên, thành phố Lai Châu; chuẩn bị các điều kiện tổ chức ngày hội Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu lần thứ I, năm 2017. Tổ chức 66 buổi

<sup>(13)</sup> 487 công chức, viên chức đi học đại học và sau đại học, đạt 70,3% kế hoạch. Mở 77 lớp bồi dưỡng, đạt 38,9% kế hoạch với tổng số 6.765 học viên (do kinh phí được cấp trong quý II, các sở, ban, ngành, các huyện có kế hoạch mở lớp vào quý III, dự ước đến hết năm cơ bản hoàn thành kế hoạch); tổ chức đào tạo cho 525 sinh viên tại Trường cao đẳng cộng đồng, trong đó tuyển sinh mới năm học 2016-2017 là 205 sinh viên.

<sup>(14)</sup> Đến ngày 5/9/2017 có 82 ca mắc chân tay miệng, giảm 56 ca; 26 ca sốt phát ban nghi sởi (1 trường hợp dương tính với sởi rubella), giảm 41 ca; 926 người tiêm phòng đại, tăng 69 ca so với cùng kỳ năm trước, 03 trường hợp nhiễm liên cầu lợn.

<sup>(15)</sup> Đến ngày 30/8/2017 tổng số người nhiễm HIV/AIDS còn sống, quản lý được là 1.989 người, trong đó phát hiện mới 135 người, giảm 16% so với cùng kỳ năm 2016. Số người nhiễm HIV/AIDS hiện đang điều trị ARV là 955 người, số người nghiện đang được điều trị bằng thuốc Methadone là 2.020 người, đạt 84,2% kế hoạch. Tổ chức 6.157 buổi tuyên truyền vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KIHHGD đến người dân.

<sup>(16)</sup> Thực hiện kiểm tra 6.523 lượt cơ sở, trong đó có 4.588 cơ sở đạt TCVS, 1.031 cơ sở vi phạm, trong đó xử phạt hành chính 658 cơ sở với số tiền trên 58 triệu đồng, 284 cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm ước trị giá khoảng 116,6 triệu đồng, đình chỉ có thời hạn 04 cơ sở.

<sup>(17)</sup> 118 trợ kịp thời cho các gia đình có người chết, người cấp cứu; kiểm tra, thu gom 4.937 lít rượu tại địa bàn 8 xã thuộc huyện Phong Thổ để xử lý theo quy định.



hiểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, đạt 82,5% kế hoạch; trên 700 buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ, 265 giải thi đấu và giao lưu thể thao; đăng cai tổ chức thành công giải vô địch đẩy gậy toàn quốc lần thứ XI năm 2017 (đạt 20 huy chương), tổ chức Hội thi thể thao các dân tộc toàn tỉnh lần thứ VII, tham gia giải cầu lông, bóng bàn gia đình toàn quốc (đạt 04 huy chương). Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, thiết thực, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Công tác thông tin, truyền thông, phát thanh truyền hình, hoạt động của các cơ quan báo chí, trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh đã tập trung tuyên truyền các chủ đề trọng tâm, các sự kiện chính trị, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước,... Sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình đạt khá so với kế hoạch<sup>(18)</sup>.

#### **2.4. Thực hiện xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế**

Các chế độ, chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời theo đúng quy định<sup>(19)</sup>; các chương trình, dự án giảm nghèo được triển khai tích cực, ban hành Quy định về thực hiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016<sup>(20)</sup>.

Ban hành quy định mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh, đến 30/8/2017 tổ chức đào tạo nghề cho 3.957 lao động, đạt 62,8% kế hoạch, tăng 1.378 người; giải quyết việc làm cho 5.684 người, đạt 82,4% kế hoạch, tăng 31 người; xuất khẩu lao động 59 người, đạt 59% kế hoạch, tăng 04 người so với cùng kỳ năm 2016; tổ chức cai nghiện bắt buộc cho 50 đối tượng nghiện ma túy, đạt 50% kế hoạch.

Tình hình thực hiện Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Đến 31/8/2017, số người tham gia BHXH, BHYT là 417.883 người, tổng thu bảo hiểm ước đạt 485,1 tỷ đồng, đạt 70,59% kế hoạch, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2016; tổng

<sup>(18)</sup>Tổng số giờ phát thanh 73.375 giờ, đạt 75% kế hoạch, tổng số giờ phát sóng FM 65.324 giờ, đạt 75% kế hoạch, tổng số giờ phát sóng truyền hình 178.229 giờ, đạt 75% kế hoạch

<sup>(19)</sup>Tổ chức thăm hỏi, tặng 33.822 suất quà và tiền mặt, trị giá hơn 17,2 triệu đồng cho gia đình người có công, người nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu, trao tặng 6.133 suất quà, trị giá 1.396 triệu đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết thiếu nhi 01/6 và khai giảng năm học mới.

<sup>(20)</sup>Kết quả: Đến hết năm 2016 toàn tỉnh còn 32.259 hộ nghèo, chiếm 34,81%, giảm 5,59% so với năm 2015; số hộ cận nghèo là 11.169 hộ, chiếm 12,05% tổng số hộ toàn tỉnh, tăng 2% so với năm 2015.

số nợ bảo hiểm 52,56 tỷ đồng, trong đó nợ BHXH: 31,16 tỷ đồng, BHYT: 20,04 tỷ đồng, bảo hiểm thất nghiệp: 1,36 tỷ đồng.

### **2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo**

Các chương trình, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tập trung thực hiện: Mở 04 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho 180 người có uy tín của các huyện, thành phố; tổ chức chuyên tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm cho đoàn người có uy tín tiêu biểu của 04 huyện tại tỉnh Quảng Ngãi; tập huấn kỹ thuật, kiến thức tổ chức sản xuất cho người dân thuộc Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống" năm 2017; cấp phát báo thường kỳ 353.523 tờ/cuốn/18 đầu báo.

Công tác quản lý các hoạt động tôn giáo được thực hiện theo đúng quy định, tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Phối hợp tổ chức 01 Hội nghị hướng dẫn sinh hoạt đạo Tin lành và phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho 200 người; triển khai 04 đợt tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo tại các điểm nhóm Tin lành cho hơn 1.400 người tham dự. Chấp thuận cho Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Lai Châu tổ chức lễ khởi công xây dựng trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Lai Châu, Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Lai Châu, nhiệm kỳ 2017 - 2022,...

### **3. Quản lý tài nguyên, môi trường; Khoa học và Công nghệ**

Hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lai Châu đã được HĐND tỉnh thông qua, hiện đang trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định; triển khai kế hoạch sử dụng đất năm 2017 các huyện, thành phố. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích trên 831 ha; cấp 4.398 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cấp và cho phép các tổ chức khai thác 09 điểm mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, 09 giấy phép xả thải vào nguồn nước; chấm dứt hiệu lực giấy phép chế biến quặng chì kẽm tại xã Mường So. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại 02 điểm mỏ, 02 đề án đóng cửa mỏ; phương án giải tỏa khu vực mỏ vàng Pắc Ta. Ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng, vật nuôi, và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Ngày nước thế giới năm 2017. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 08 dự

án; cấp giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho 143 dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh; cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại 05 công trình.

Hoạt động khoa học và công nghệ: Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Gạo đặc sản Ségé Cù Than Uyên” và “Gạo Tè Râu Phong Thổ”; thẩm định 05 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và Chương trình cấp thiết mới phát sinh, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ thực hiện từ năm 2018; nghiệm thu cấp tính 02 dự án; công nhận 163 sáng kiến cấp tỉnh; tiến hành kiểm định 2.814 phương tiện đo các loại.

#### **4. Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại**

##### **4.1. Lĩnh vực Quốc phòng**

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng nắm và quản lý chắc tình hình, bảo vệ an toàn địa bàn. Tổ chức lễ ra quân huấn luyện năm 2017, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức huấn luyện cho các đối tượng đúng kế hoạch<sup>(21)</sup>, tổ chức tốt lễ giao nhận quân năm 2017 với 700 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu giao. Thành lập Ban Chỉ đạo hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác chuẩn bị diễn tập khu vực phòng thủ các huyện, tổ chức diễn tập tại huyện Tân Uyên. Công tác quản lý biên giới lãnh thổ được quan tâm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; thực hiện khảo sát thực địa, rà soát, thống kê các cấp cửa khẩu, đường qua lại giữa hai nước và khảo sát phát quang đường thông tầm nhìn biên giới. Chuẩn bị chu đáo và phối hợp tổ chức thành công giao lưu hữu nghị Quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 4.

##### **4.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Các cơ quan chức năng chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả các hoạt động xâm hại an ninh trật tự. An ninh trên tuyến biên giới, an ninh chính trị cơ bản ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Triển khai thực hiện các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đấu tranh quyết liệt triệt phá các đường dây ma túy lớn; tình hình hoạt động của các loại tội phạm và tai, tệ nạn xã hội cơ bản được kiểm chế. Thực hiện điều tra làm rõ 92/101 vụ phạm tội về trật tự xã hội, giảm 67 vụ; phát hiện và bắt 264 vụ, 342 đối tượng phạm tội về ma túy, giảm 01 vụ; phát hiện và xử lý 24 vụ, việc phạm

<sup>(21)</sup>Tổ chức Lễ ra quân huấn luyện năm 2017 tại 9 điểm, quân số 1.888 đ/c; huấn luyện, luyện tập chuyên trang thái SSCĐ cho 100% các cơ quan, đơn vị, quân số 703 đ/c. Huấn luyện DQTV được 234/234 cơ sở, quân số 11.506/12.128 đ/c; bồi dưỡng KTQP&AN đối tượng 2 cho 12 đ/c; bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng 3,4 được 27 lớp, quân số 1.596 đ/c. Tổ chức Lễ ra quân huấn luyện năm 2017 tại 9 điểm, quân số 1.888 đ/c; huấn luyện, luyện tập chuyên trang thái SSCĐ cho 100% các cơ quan, đơn vị, quân số 703 đ/c, kết quả khá.

tội kinh tế, giảm 9 vụ; 47 vụ, việc vi phạm về môi trường, tăng 15 vụ so với cùng kỳ năm trước.

Công tác tuyên truyền phổ biến Luật Giao thông đường bộ, công tác tuần tra, kiểm soát, đảm bảo an toàn giao thông được tăng cường, tổ chức Hội nghị bàn các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông. Tuy nhiên xảy ra 55 vụ tai nạn, va chạm giao thông, làm chết 32 người, bị thương 72 người (tăng 17 vụ, 13 người chết, 27 người bị thương so với cùng kỳ năm trước)<sup>(22)</sup>.

### 4.3. Công tác đối ngoại

Quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa tỉnh Lai Châu với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), ba tỉnh phía Bắc nước CHDCND Lào, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được duy trì và phát triển. Tham gia phiên họp 10 Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc, phiên họp vòng VII - Ủy ban Liên hiệp Biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hắc Long Giang - Trung Quốc; chuẩn bị các điều kiện đón tiếp và làm việc với đoàn công tác tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, tỉnh Phong Sa Lý, U Đôm Xay sang thăm và làm việc tại tỉnh. Tiếp tục hỗ trợ 07 tổ chức PCPNN triển khai thực hiện dự án viện trợ nhân đạo cho tỉnh, năm 2017 giá trị cam kết viện trợ là 22 tỷ đồng, 9 tháng đầu năm đã giải ngân được trên 13,3 tỷ đồng. Công tác văn hóa đối ngoại, giao lưu nhân dân, thông tin đối ngoại, công tác lãnh sự và bảo hộ công dân thực hiện tốt; các thủ tục cho phép các đoàn ra, đoàn vào được thực hiện đúng quy định<sup>(23)</sup>.

**5. Công tác xây dựng chính quyền, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; hỗ trợ tư pháp**

#### 5.1. Công tác xây dựng chính quyền; cải cách hành chính

Công tác kiện toàn các tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, các tổ chức hội thực hiện theo đúng quy định đảm bảo tính pháp lý, thủ tục theo quy định<sup>(24)</sup>. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở năm 2016<sup>(25)</sup>; ban hành tiêu chí đánh giá xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn. Thành lập Đoàn kiểm tra quy chế dân chủ; kiểm tra công tác dân vận chính quyền tại huyện Nậm Nhùn và huyện Mường Tè.

<sup>(22)</sup> Theo báo cáo của Ban an toàn giao thông đến ngày 15/9/2017

<sup>(23)</sup> Làm thủ tục cho 18 đoàn, 36 cá nhân với 200 lượt cán bộ trong tình di nước ngoài, đón tiếp 81 đoàn với 637 lượt người nước ngoài vào thăm, làm việc tại tỉnh.

<sup>(24)</sup> Quyết định về tổ chức bộ máy cho 07 cơ quan, đơn vị; đổi tên 17 tổ chức, đơn vị; thành lập mới 04 tổ chức, đơn vị; giải thể 03 tổ chức, đơn vị; tổ chức lại 04 đơn vị; thành lập Ban QLDA "Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững" tỉnh Lai Châu. Thông báo giảm 193 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập so với số người làm việc đã giao năm 2017 tại 20 cơ quan, đơn vị. Xét chuyển đổi viên Dự án 600 Phó Chủ tịch UBND xã làm công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh, xã trên địa bàn tỉnh cho 45 người.

<sup>(25)</sup> Kết quả: 42 xã, phường, thị trấn xếp loại Tốt; 61 xã, thị trấn xếp loại Khá; 05 xã xếp loại Trung bình.

Công tác cải cách hành chính được tập trung thực hiện, tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2017 tại 07 sở, 02 huyện và 08 xã; ban hành Đề án nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020; phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông cho 05 đơn vị; xây dựng, hoàn thiện Đề án thành lập Trung tâm Hành chính công, hiện đang trình Bộ Nội vụ; công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; tổ chức thành công Hội thi tìm hiểu cải cách hành chính.

### ***5.2. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; hỗ trợ tư pháp***

Công tác thanh tra được triển khai đảm bảo nội dung, tiến độ theo kế hoạch; công tác tiếp công dân đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định; các vụ khiếu nại, tố cáo mới phát sinh được tiếp nhận, xử lý và giải quyết kịp thời. Triển khai 129 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính, chuyên ngành và thanh tra trách nhiệm (trong đó: 27 cuộc năm 2016 chuyển sang), phát hiện 81 đơn vị có vi phạm với tổng số tiền vi phạm 11,9 tỷ đồng, trong đó: kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 8,47 tỷ đồng, tiêu hủy hàng hóa trị giá 0,35 triệu đồng, xử phạt vi phạm hành chính 271,20 triệu đồng, kiểm điểm trách nhiệm 07 tập thể, 27 cá nhân. Tiếp 867 lượt với 1.095 người đến kiến nghị, phản ánh, tăng 252 lượt người so với cùng kỳ năm trước (có 05 đoàn đông người, giảm 10 đoàn); tiếp nhận 1.244 đơn thư khiếu kiện, tăng 295 đơn so với cùng kỳ năm trước, đơn phát sinh chủ yếu là đơn kiến nghị, phản ánh; tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước 09 vụ việc, đã giải quyết 07/09 vụ, còn 02 vụ tố cáo đang xác minh, giải quyết. Tiến hành điều tra, truy tố, xét xử 02 vụ án có liên quan đến hành vi tham nhũng (năm 2016 chuyển sang) với số tiền 28,7 tỷ đồng.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được 652 cuộc cho 37.162 lượt người. Thực hiện trợ giúp pháp lý 300 vụ việc cho 300 đối tượng, trợ giúp pháp lý lưu động tại 50 xã với trên 4.000 lượt người tham dự; hòa giải thành công 167/194 vụ trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình, đất đai.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những kết quả đạt được**

Tình hình 9 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh mặc dù gặp nhiều khó khăn, song các cấp, các ngành đã tích cực chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ và đã đạt được một số kết quả nổi bật như:

- Sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo: Việc triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ sản xuất đạt kết quả rõ nét, cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi có sự chuyển biến tích cực, nhiều mô hình, dự án bước đầu cho kết quả tốt, rừng được bảo vệ tốt; các hoạt động thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp được tích cực triển khai.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng; thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, chỉ số giá tiêu dùng tương đối ổn định; ngành dịch vụ du lịch có sự khởi sắc, đang đầu tư xây dựng dự án Khu du lịch sinh thái trên đỉnh đèo Hoàng Liên Sơn, bước đầu triển khai dự án khu Du lịch Thác trắng; giá trị xuất khẩu hàng địa phương tăng khá; công nghệ thông tin viễn thông di động được nâng cấp từ mạng 3G lên 4G đã góp phần phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ kèm theo. Số doanh nghiệp làm ăn có lãi, số thuế nộp ngân sách nhà nước tăng so với cùng kỳ.

- Các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có sự chuyển biến tích cực: Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở các cấp học đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Công tác khám, chữa bệnh, y tế dự phòng được đẩy mạnh thực hiện, không có dịch bệnh lớn xảy ra, chất lượng khám chữa bệnh của mạng lưới y tế, nhất là tuyến cơ sở được tăng cường, đã kịp thời xử lý và cứu chữa cách bệnh nhân vụ ngộ độc thực phẩm tại huyện Phong Thổ. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ. Các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi đặc biệt là trong các dịp Lễ, Tết.

- Một số cơ quan, đơn vị thuộc bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được sắp xếp, củng cố, kiện toàn. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tập trung triển khai thực hiện. Số đoàn khiếu kiện đông người giảm so với cùng kỳ năm trước, các vụ khiếu nại, tố cáo mới phát sinh được tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, thực hiện tốt công tác quản lý di dịch cư tự do. Hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội đã từng bước được kiềm chế, một số loại tội phạm giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch trong 9 tháng đầu năm, dự ước đến hết năm 2017 hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều xấp xỉ đạt, đạt và vượt kế hoạch đề ra.

## 2. Một số khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được kinh tế - xã hội của tỉnh còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như:

- Một số diện tích lúa bị thiệt hại, gieo cấy chậm, sản lượng lương thực đạt thấp so với kế hoạch và giảm so với cùng kỳ năm trước; tốc độ tăng đàn gia súc giảm. Việc tiêu thụ sản phẩm mù cao su còn gặp khó khăn, chưa có nhà máy chế biến thành phẩm. Việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM tại một số xã đạt chuẩn còn hạn chế<sup>(26)</sup>, việc xây dựng NTM tại các xã theo kế hoạch gặp khó khăn, còn nhiều tiêu chí chưa đạt, việc phân bổ kinh phí Chương trình xây dựng NTM ở cấp huyện chậm.

Tiến độ thi công một số dự án thủy điện vừa và nhỏ chậm<sup>(27)</sup>. Số DN tạm ngừng hoạt động lớn, số HTX tạm ngừng hoạt động tăng so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản triển khai chậm<sup>(28)</sup>; công tác quản lý khai thác sử dụng các công trình sau đầu tư; quản lý chất lượng công trình xây dựng còn hạn chế. Kết quả xử lý và thu hồi nợ xấu khó khăn, tiềm ẩn nợ xấu<sup>(29)</sup>. Chất lượng dịch vụ và nguồn nhân lực về du lịch còn hạn chế, các hoạt động tại một số khu, điểm du lịch chưa được quản lý chặt chẽ.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học khó khăn, tỷ lệ lớp ghép cao<sup>(30)</sup>; tỷ lệ học sinh bỏ học tuy có giảm nhưng vẫn diễn ra ở các cấp học<sup>(31)</sup>. Chất lượng khám, chữa bệnh và hiệu quả khai thác, sử dụng các trang thiết bị y tế tại một số phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã thấp; thiếu bác sỹ và cán bộ có trình độ chuyên môn cao; việc tuyển dụng bác sỹ đang hợp đồng chậm; tình trạng bác sỹ chuyển việc, bỏ việc vẫn diễn ra<sup>(32)</sup>. Xuất khẩu lao động đạt thấp so với kế hoạch. Tình trạng nhiều doanh nghiệp tại địa phương tiếp tục nợ BHXH, BHYT với thời gian dài, số nợ lớn chưa thể khắc phục. Đời sống của một bộ phận dân cư gặp khó khăn nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

<sup>(26)</sup> Các tiêu chí về thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, cơ sở hạ tầng

<sup>(27)</sup> Nguyên nhân do các dự án đầu tư thủy điện đang thi công vẫn phải chờ ngành điện đầu tư đường dây chuyển tải cao thế, nhất là các tuyến 220 KV và 110 KV theo quy hoạch.

<sup>(28)</sup> Tỷ lệ giải ngân thấp: còn 13/22 chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 50% kế hoạch vốn, trong đó 03 chủ đầu tư chưa thực hiện giải ngân. Về việc triển khai hoàn thiện thủ tục các dự án khởi công mới năm 2017: Đến hết tháng 8/2017 có 48/76 dự án KCM thực hiện đấu thầu, 30/76 dự án ký hợp đồng thực hiện; đối với các dự án khởi công mới phải thực hiện 2 bước, mới có 14/40 dự án có quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán.

<sup>(29)</sup> Khách hàng là doanh nghiệp có nợ xấu không còn hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng không có nguồn thu nhập để trả nợ.

<sup>(30)</sup> Hiện toàn tỉnh có 1.259 phòng học tạm và 188 phòng học nhờ; Tiểu học 188 lớp ghép, Mầm non 835 lớp ghép.

<sup>(31)</sup> Tổng kết năm học 2016 - 2017 có 341 học sinh bỏ học, giảm 263 học sinh so với năm học trước, nguyên nhân chính do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn.

<sup>(32)</sup> Toàn ngành chỉ có 387 bác sỹ, trong đó chỉ có 102 thực sỹ, bác sỹ chuyên khoa I, II, 9 tháng đầu năm 2017 có 05 bác sỹ chuyển, bỏ việc; còn 15 bác sỹ hợp đồng chưa được tuyển dụng.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính còn chậm, xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt thấp, xếp hạng chỉ số quản trị hành chính công và chỉ số cải cách hành chính mặc dù tăng so với năm trước nhưng vẫn nằm trong nhóm các tỉnh đạt điểm thấp nhất. Một số cơ quan chưa được phê duyệt đề án tinh giản biên chế, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế của tỉnh còn chưa cao. Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định của một số cơ quan, đơn vị còn chậm. Việc tổ chức hiệp thương thống nhất đường địa giới hành chính với tỉnh Điện Biên còn khó khăn; chưa thống nhất phương án giải quyết tranh chấp với tỉnh Lào Cai<sup>(33)</sup>; giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính giữa xã Thèn Sin huyện Tam Đường với xã Sin Súi Hồ huyện Phong Thổ chậm so với kế hoạch.

- Tình hình an ninh trật tự còn tiềm ẩn các yếu tố phức tạp nhất là hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, xuất nhập cảnh trái phép, tội phạm về ma túy tuy có giảm về số vụ nhưng số lượng tang vật ma túy thu giữ ngày càng lớn, phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi<sup>(34)</sup>. Tình hình trật tự an toàn giao thông diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông tăng cả ba tiêu chí. Tình hình khiếu kiện trên địa bàn tăng cả về số lượt tiếp công dân, số lượng đơn thư so với cùng kỳ năm trước.

### 3. Nguyên nhân

- Thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh phát sinh trên cây trồng, vật nuôi ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và đời sống nhân dân.

- Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh hầu hết là doanh nghiệp có quy mô nhỏ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nên phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước. Một số doanh nghiệp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, hoạt động thua lỗ nên nợ đọng BHXH, BHYT cao.

- Công tác phối hợp giữa các ngành chức năng và các Chủ đầu tư trong quá trình tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và quy trình giải quyết các thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu chưa chặt chẽ, tiến độ giải quyết còn chậm.

<sup>(33)</sup> UBND tỉnh ban hành Công văn đề nghị UBND tỉnh Điện Biên phối hợp giải quyết vướng mắc địa giới hành chính giữa 2 tỉnh; tuy nhiên đến nay vẫn chưa có văn bản phản hồi của UBND tỉnh Điện Biên. Về giải quyết tranh chấp giữa 2 tỉnh Lai Châu – Lào Cai, 2 tỉnh thống nhất lập biên bản, báo cáo Bộ Nội vụ và Chính phủ giải quyết.

<sup>(34)</sup> Thu giữ 52 tài liệu, 16 đĩa DVD, 02 radio, 01 thẻ nhớ có nội dung tuyên truyền đạo; phát hiện 638 trường hợp xuất cảnh trái phép, tăng 309 trường hợp; số lượng ma túy thu giữ cao hơn so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt có 01 vụ bắt 39 bánh kê rô in, 01 người đã bị thương khi phối hợp cùng lực lượng Công an bắt giữ đối tượng vận chuyển ma túy; 01 vụ bắt 17 bánh kê rô in; 01 vụ 300.000 viên ma túy tổng hợp.



- Thu NSNN trên địa bàn đạt thấp là do: Thu từ hoạt động của các nhà máy thủy điện đạt thấp do chênh lệch giá điện thương phẩm thực hiện và giá giao dự toán; nợ đọng thuế còn khá cao, một số sắc thuế không hoàn thành dự toán giao như thu từ doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý, thu ngoài quốc doanh, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu xuất nhập khẩu.

- Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân ở một số lĩnh vực chưa kịp thời. Ý thức chấp hành pháp luật, đặc biệt là ý thức chấp hành các quy định về an toàn giao thông và nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, dễ bị kích động, lôi kéo, gây khiêu khích, khiêu nạt. Chưa có các giải pháp thiết thực phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong phòng ngừa đấu tranh tội phạm; việc phát hiện, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong Nhân dân, có nơi, có lúc chưa kịp thời, hiệu quả.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nắm tình hình ở một số ngành, địa phương chưa thực sự quyết liệt. Việc triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ một số ngành còn thiếu chủ động. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có việc chưa chặt chẽ, không thường xuyên.

- Công tác triển khai thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự được quan tâm thực hiện.

## **Phần thứ hai**

### **MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO 3 THÁNG CUỐI NĂM 2017**

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội và quốc phòng an ninh mà Nghị quyết HĐND tỉnh đã đề ra, trong 3 tháng cuối năm, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

(1). Rà soát, đánh giá tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết HĐND tỉnh, kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, đề ra các giải pháp chỉ đạo quyết liệt với tinh thần nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2017. Tập trung chỉ đạo xây dựng hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công, Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán thu chi ngân sách năm 2018 đảm bảo chất lượng, tiến độ để trình HĐND tỉnh thông qua vào kỳ họp cuối năm 2017.

(2). Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh:

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án Tái cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp và các chính sách, Đề án sản xuất nông - lâm nghiệp; chỉ đạo sản xuất, chăm sóc các cây trồng vụ hè thu, chuẩn bị tốt các điều kiện để sản xuất vụ Đông, Đông Xuân năm 2017-2018 theo đúng lịch thời vụ; chủ động phòng chống rét cho gia súc trong mùa đông, phòng, chống các loại dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Tiếp tục phối hợp với các Tập đoàn TH, Him Lam triển khai các dự án chăn nuôi Bò sữa, trồng cây dược liệu, chè, Mắc ca trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác PCCCR trong mùa khô, công tác khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng. Chủ động theo dõi, ứng phó với các diễn biến phức tạp của thời tiết, phòng chống thiên tai.

- Tăng cường chỉ đạo đối với phong trào xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng các xã đã đạt chuẩn, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện tại các xã đạt chuẩn theo kế hoạch năm 2017, tập trung vào các tiêu chí khó đạt. Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu kiến nghị với Bộ Xây dựng nhằm sớm triển khai việc hỗ trợ xi măng cho tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty truyền tải điện Việt Nam giải quyết nhanh các thủ tục về đất đai và các thủ tục liên quan để các dự án lưới điện chuyển tải 220 KV, 110 KV và các Trạm biếm áp 220 KV trên địa bàn tỉnh sớm được triển khai thi công, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục cải thiện, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi. Kiến nghị Trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư trong việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng. Xây dựng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh. Tổ chức hội nghị đối thoại và tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu nhân ngày doanh nhân Việt Nam 13/10/2017.

- Tích cực triển khai cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa. Quản lý tốt các hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu Ma Lù Thàng và các lối mở trên địa bàn. Triển khai các biện pháp sử dụng điện năng tiết kiệm và hiệu quả. Phê duyệt dự án Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Lai Châu giai đoạn 2007-2015, định hướng đến năm 2020; xây dựng khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

(3). Triển khai có hiệu quả các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2017; rà soát các chỉ tiêu thu còn đạt thấp, các nguồn thu phát sinh, các khoản nợ thuế theo kế hoạch, nợ đọng thuế sau kết luận thanh tra, kiểm tra, đôn đốc kịp thời nộp vào ngân sách nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đối tượng nộp thuế, ngăn chặn đẩy lùi trốn thuế, gian lận thuế; tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế, có biện pháp quyết liệt thu hồi 50% số nợ thuế đến hết 31/12/2017; triệt để tiết kiệm chi, bảo đảm hiệu quả và theo dự toán được duyệt.

Điều hành tín dụng phù hợp, chú trọng các lĩnh vực ưu tiên gắn với bảo đảm chất lượng tín dụng; tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, tăng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng theo nội dung Công văn 1445/UBND-TM ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh; kiểm soát chặt chẽ, tích cực thu hồi xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh.

(4). Thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân hết các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được giao trong kế hoạch năm 2017, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2017 theo nội dung Công văn số 1463/UBND-TH ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Kho bạc Nhà nước thanh toán cho các dự án khi đủ điều kiện giải ngân, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới năm 2018, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo thủ tục theo quy định.

(5). Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân:

- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017 - 2018; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp với các địa phương duy trì sĩ số học sinh, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, đặc biệt là học sinh vùng cao, vùng đồng bào dân tộc; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy và học, ưu tiên cho các trường thuộc xã đặc biệt khó khăn, các trường đạt chuẩn quốc gia và dự kiến đạt chuẩn quốc gia. Rà soát Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện sáp nhập các trường Mầm non, Tiểu học, THCS có quy mô dưới 200 học sinh.

- Quan tâm thực hiện công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, quyết liệt Chỉ thị số 13/CT-TTg về an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm tra, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống ngộ độc thực phẩm.

- Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách an sinh xã hội; đôn đốc các cơ sở dạy nghề đẩy nhanh tiến độ đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch; tăng cường công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh thực hiện các nội dung chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành xử lý tiền nợ BHXH, BHYT tồn đọng kéo dài.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao. Chuẩn bị tốt các điều kiện và tổ chức ngày hội Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu lần thứ I.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội để cộng đồng doanh nghiệp, người dân đồng tình ủng hộ, hưởng ứng và tham gia tích cực thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; tạo niềm tin và động lực tham gia sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng; đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm, ảnh hưởng xấu đến niềm tin của doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

(6). Về cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, lãng phí; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật đến cán bộ, công chức và người dân. Đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ, nâng cao uy tín và chất lượng phục vụ của các cơ quan, đơn vị đối với Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số quản trị và hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tập trung giải quyết việc tranh chấp đất đai trên một số địa bàn giáp ranh với tỉnh Điện Biên, Lào Cai. Thực hiện tốt công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Quan tâm giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo, giải quyết bức xúc trong Nhân dân.

(7). Tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện Nậm Nhùn; chuẩn bị các điều kiện tổ chức công tác tuyển quân năm 2018. Phối hợp chặt chẽ giữa các

cấp, các ngành, các lực lượng trong đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh ngay tại cơ sở, các vấn đề đang tiềm ẩn phức tạp. Thực hiện tốt việc kiểm soát chất lượng phương tiện vận tải, bến bãi, phương tiện và người lái nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông; tích cực tuyên truyền để các Doanh nghiệp hoạt động vận tải hành khách chấp hành nghiêm luật giao thông, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, đặc biệt là đối với xe khách giường nằm liên tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
- TT. Tỉnh uỷ - HĐND - UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lai Châu, Đài PT-TH tỉnh; Phân xã TTXVN tại Lai Châu, Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



www.scantop



**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
A	B	C	1	2	4	5	6	7	9
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>								
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn	%			9,89		9,9		
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	150.030	213.000	147.510	213.010	98,3	69,3	
	Diện tích cây chè	Ha	4.095	4.731	4.986	4.986	121,8	105,4	
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,7	47,6	47,10	47,6	100,9	98,9	So sánh tuyệt đối
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	15	24	20	24	5,0	(4,0)	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	15,63	25,00	20,83	25,00	5,21	(4,17)	So sánh tuyệt đối
3	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	1.313	1.750	1.365	1.800	104,0	78	
4	Giá trị xuất khẩu hàng địa phương	Triệu USD	2,10	5,70	6,77	7,53	322,3	118,9	
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU XÃ HỘI</b>								
5	Hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước								

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	Xã	94	95	95	95	1,00	100,00	Còn lại xã Năm Châu
	- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã, mặt đường được cứng hóa <sup>(3)</sup>	%	97,92	98,96	98,96	98,96	1,04	-	So sánh tuyệt đối
	- Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy, ô tô đi lại thuận lợi	%	81,50	84,02	85,80	84,02	4,30	1,78	So sánh tuyệt đối
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	89,20	91,00	91,70	92,00	2,50	0,70	So sánh tuyệt đối
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	76,00	78,50	77,60	78,50	1,60	-0,9	So sánh tuyệt đối
<b>6</b>	<b>Giáo dục</b>								
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học	xã	108	108	108	108	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	21,91	29,50	26,11	29,23	4,2	-0,3	So sánh tuyệt đối
	Trong đó: + Cấp mầm non	%	22,46	33,33	26,81	33,33	4,3	0,0	So sánh tuyệt đối
	+ Cấp Tiểu học	%	30,07	36,36	35,0	36,36	4,9	0,0	So sánh tuyệt đối
	+ Cấp Trung học cơ sở	%	16,38	22,88	19,83	22,03	3,4	-0,8	So sánh tuyệt đối
	+ Cấp Trung học phổ thông	%	4,0	8,0	8,0	8,0	4,0	0,0	So sánh tuyệt đối



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
<b>7 Y tế</b>								
- Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	63	70	72	72	9,0	102,9	So sánh tuyệt đối
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	58,33	64,81	66,67	66,67	8,3	1,9	So sánh tuyệt đối
- Số bác sỹ trên vạn dân	1/10000	8,79	9,07	8,64	9,08	-0,1	0,0	
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%		18,14		17,76			So sánh tuyệt đối
- Tỷ lệ giảm sinh bình quân	%		0,5	0,6	0,8		0,3	So sánh tuyệt đối
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	22,5	22,0	21,85	21,85	-0,6	-0,1	So sánh tuyệt đối
<b>8 Giảm nghèo</b>								
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%		3,78		3,78			Thực hiện đánh giá vào cuối năm
+ Riêng các huyện nghèo	%		4,5		4,5			
- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	5.653	6.900	5.684	6.900	100,5	82,38	
- Số lao động được đào tạo trong năm	Người	2.579	6.300	3.957	6.300	153,4	62,81	
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	41,18	44,42	43,48	44,29	2,3	-0,9	So sánh tuyệt đối
<b>9 Văn hóa</b>								



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			Số sánh		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		82,0		82,0			
	- Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		66,0		66,0			
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		92,0		92,0			

www.scantopdf.com



CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 3/2	12
I	<b>NGÀNH NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>								
A	<b>TRỒNG TRỌT</b>								
1	Tổng SLLT có hạt	Tấn	150.030	213.000	147.510	213.010	98,3	69,3	
	Trong đó: - Lúa	Tấn	87.880	142.730	86.610	142.410	98,6	60,7	
	- Ngô	Tấn	62.150	70.270	60.900	70.600	98,0	86,7	
1.1	Lúa cả năm:								
	- Diện tích	Ha	31.381	32.375	32.848	32.848	104,7	101,5	
	- Năng suất	Tạ/ha	53,0	44,1	41,65	43,4	78,6	94,5	
	- Sản lượng	Tấn	87.880	142.730	71.990	142.410	81,9	50,4	
a)	Lúa mùa: Diện tích (1)	Ha	20.535	21.968	22.432	22.432	109,2	102,1	
	Năng suất	Tạ/ha	46,0	46,7	46,7	46,7	101,5	100,1	
	Sản Lượng	Tấn	47.840	102.500	32.080	102.500	67,1	31,3	
b)	Lúa đông xuân: Diện tích	Ha	6.439	6.602	6.693	6.693	103,9	101,4	
	Năng suất (2)	Tạ/ha	55,0	55,0	53,91	53,91	98,0	98,0	
	Sản Lượng	Tấn	35.420	36.320	36.080	36.080	101,9	99,3	
c)	Lúa nương: Diện tích (3)	Ha	4.407	3.805	3.723	3.723	84,5	97,9	
	Năng suất	Tạ/ha	10,5	10,3	10,3	10,3	98,0	100,1	
	Sản Lượng	Tấn	4.620	3.910	3.830	3.830	82,9	98,0	
1.2	Ngô cả năm:								
	- Diện tích	Ha	22.116	22.383	22.262	22.448	100,7	99,5	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
	- Năng suất	Tạ/ha	32	31,4	31,7	31,5	99,1	101,0	
	- Sản lượng	Tấn	62.150	70.270	60.900	70.600	98,0	86,7	
	<b>Ngô xuân hè: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>19.421</b>	<b>19.147</b>	<b>19.212</b>	<b>19.212</b>	<b>98,9</b>	<b>100,3</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	32,0	31,6	31,7	31,7	99,1	100,2	
	Sản Lượng	Tấn	62.150	60.570,0	60.900	60.900	98,0	100,5	
	<b>Ngô thu đông, đông: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>2.695</b>	<b>3.236</b>	<b>3.050</b>	<b>3.236</b>	<b>113,2</b>	<b>94,3</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	0,0	30,0		30,0		-	
	Sản Lượng	Tấn	0	9.700		9.700		-	
2	<b>Cây công nghiệp</b>								
2.1	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>								
a	<b>Cây Lạc</b>								
	- Diện tích	Ha	1.701	1.679	1.594	1.679	93,7	94,9	
	- Năng suất	Tạ/ha	10,8	10,8	10,8	10,8	100,0	100,0	
	- Sản lượng	Tấn	908	1.813	1.720	1.813	189,4	94,9	
b	<b>Cây Đậu tương</b>								
	- Diện tích	Ha	2.146	2.002	1.830	2.002	85,3	91,4	
	- Năng suất	Tạ/ha	10,3	10,4	10,4	10,4	101,0	100,3	
	- Sản lượng	Tấn	863	2.076	1.900	2.076	220,1	91,5	
2.2	<b>Cây công nghiệp lâu năm</b>								
a	<b>Cây chè</b>								
	- Tổng diện tích chè	Ha	4.095	4.731	4.986	4.986	121,8	105,4	
	Trong đó: Trồng mới	Ha	594	630	885	885	149,0	140,5	
	+ Diện tích chè kinh doanh	Ha	2.615	2.870	2.870	2.870	109,8	100,0	
	- Năng suất	Tạ/ha	71,1	89,0	73,9	89,0	103,9	83,0	
	- Sản lượng chè búp tươi	Tấn	18.600	25.552	21.200	25.552	114,0	83,0	
b	<b>Cây cao su: Tổng diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>13.226</b>	<b>13.226</b>	<b>13.226</b>	<b>13.226</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	
3	<b>Một số cây trồng khác</b>								
	<b>Cây rau, màu</b>								
	- Diện tích	Ha	2.396	2.600	1.520	2.600	63,4	58,5	
	- Năng suất	Tạ/ha	71,0	67,6	77,3	67,5	109,0	114,4	
	- Sản lượng	Tấn	17.000	17.560	11.750	17.560	69,1	66,9	
B	<b>CHĂN NUÔI</b>								



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Chí chú
			Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
<b>1</b> Tổng đàn gia súc	Con	330.350	354.000	345.270	351.250	104,5	97,5	
- Đàn trâu	Con	98.850	101.100	99.480	101.050	100,6	98,4	
- Đàn bò	Con	17.500	18.200	17.920	18.250	102,4	98,5	
- Đàn lợn	Con	214.000	234.700	227.870	231.950	106,5	97,1	
<b>2</b> Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc (4)	%	3,53	5,27	2,67	4,45	-0,9	(2,6)	
<b>3</b> Tổng đàn gia cầm	1000 con	1.100	1.392	1.355	1.398	123,2	97,4	
<b>4</b> Thịt hơi các loại	nghìn tấn	11,55	14,00	11,70	14,00	101,3	83,6	
<b>C</b> THỦY SẢN								
- DT nuôi trồng	Ha	840	882	911	911	108,5	103,3	
- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng	Tấn	1.720	2.300	1.990	2.300	115,7	86,5	
+ Nuôi trồng thủy sản	Tấn	1.410	1.890	1.635	1.890	116,0	86,5	
+ Đánh bắt thủy sản	Tấn	220	260	250	260	113,6	96,2	
+ Nuôi cá nước lạnh	Tấn	90	150	105	150	116,7	70,0	
Số cơ sở	Cơ sở	7	7	8	8	114,3	114,3	
Thể tích nuôi	M3	8.427	8.427	8.927	8.927	105,9	105,9	
<b>D</b> LÂM NGHIỆP								
<b>1</b> Lâm sinh								
- Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,7	47,6	47,10	47,6	0,4	(0,5)	
- Tổng DT rừng hiện có	Ha	421.526	436.470	440.767	441.367	104,6	101,0	
<i>Trong đó DT rừng trồng mới tập trung</i>	<i>Ha</i>	<i>3.177</i>	<i>2.461</i>	<i>3.799</i>	<i>3.799</i>	<i>119,6</i>	<i>154,4</i>	
+ Rừng phòng hộ	Ha	315						
+ Rừng sản xuất	Ha	168						
+ Trồng rừng chương trình khác	Ha	2.694	2.461	2.918	3.799	108,3	118,6	
+ Trồng rừng thay thế	Ha	2.693,7		881				
<i>Rừng tự nhiên</i>	<i>Ha</i>	<i>383.108</i>	<i>383.108</i>	<i>385.578</i>	<i>386.178</i>	<i>100,6</i>	<i>100,6</i>	
+ Rừng đặc dụng	Ha	27.820	27.820	27.918	27.918	100,4	100,4	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
	+ Rừng phòng hộ	Ha	230.746	230.746	232.032	232.332	100,6	100,6	
	+ Rừng sản xuất	Ha	124.542	124.542	125.628	125.928	100,9	100,9	
	<b>Rừng trồng</b>	<b>Ha</b>	<b>11.930</b>	<b>13.673</b>	<b>14.033</b>	<b>14.033</b>	<b>117,6</b>	<b>102,6</b>	
	+ Rừng sản xuất	Ha	7.317	9.472	9.647	9.647	131,8	101,8	
	+ Rừng phòng hộ	Ha	4.613	4.201	4.386	4.386	95,1	104,4	
	<b>Riêng ngoài quy hoạch lâm nghiệp</b>	<b>Ha</b>	<b>26.488</b>	<b>26.463</b>	<b>27.929</b>	<b>27.929</b>	<b>105,4</b>	<b>105,5</b>	
	- Cây cao su	Ha	13.226	13.226	13.226	13.226	100,0	100,0	
<b>E</b>	<b>PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>%</b>							
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	76,00	78,50	77,60	78,50	1,6	(0,9)	
	- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	69,80	72,50	71,50	72,50	1,7	(1,0)	
	- Thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM	Xã	96	96	96	96	100,0	100,0	
	+ Số xã hoàn thành 19 tiêu chí NTM	Xã	15	24	20	24	133,3	83,3	
	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn NTM	%	15,63	25,00	20,83	25,00	5,2	(4,2)	
	+ Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	Xã	9	6	1	6	11,1	16,7	
	+ Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí	Xã	44	39	38	39	86,4	97,4	
	+ Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí	Xã	28	27	37	27	132,1	137,0	
	+ Số xã đạt dưới 5 tiêu chí	Xã	0	0	0	0			
	+ Bình quân tiêu chí trên xã	Tiêu chí/xã	11,90	13,4	12,0	13,4	100,4	89,2	
<b>II</b>	<b>SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (giá so sánh 2010)</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>2.775.476</b>	<b>3.777.358</b>	<b>3.414.383</b>	<b>4.341.722</b>	<b>123,02</b>	<b>90,39</b>	
<b>1</b>	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>								
	Kinh tế Nhà nước	Tr. đồng	2.373.552	2.931.442	2.636.240	3.446.367	111,07	89,93	
	- Trung ương	Tr. đồng	2.363.659	2.916.516	2.623.569	3.431.440	111,00	89,96	
	- Địa phương	Tr. đồng	9.893	14.926	12.671	14.927	128,08	84,89	



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
Kinh tế ngoài Nhà nước	Tr. đồng	400.434	843.870	776.393	893.309	193,89	92,00	
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Tr. đồng	1.490	2.046	1.750	2.046	117,45	85,53	
<b>2 Phân theo ngành công nghiệp</b>								
Công nghiệp khai thác	Tr. đồng	53.587	73.400	70.102	73.400	130,82	95,51	
Công nghiệp chế biến	Tr. đồng	231.560	420.878	380.111	409.062	164,15	90,31	
Công nghiệp điện	Tr. đồng	2.465.629	3.246.495	2.934.059	3.822.675	119,00	90,38	
Cung cấp nước và thu gom rác thải	Tr. đồng	24.700	36.585	30.111	36.585	121,91	82,30	
<b>3 Một số sản phẩm chủ yếu</b>								
1 Chè các loại	Tấn	2.687	4.820	4.130	4.820	153,70	85,68	
2 Đá đen	1000 viên	157	250	220	250	140,13	88,00	
3 Đá xây dựng	m <sup>3</sup>	445.425	572.235	500.001	572.235	112,25	87,38	
4 Điện phát ra	1000kwh	3.617.804	4.770.000	4.121.819	5.151.923	113,93	86,41	
5 Gạch xây dựng	1000 viên	44.700	72.850	58.580	72.850	131,05	80,41	
6 Nước máy sản xuất	1000m <sup>3</sup>	3.055	3.850	3.139	3.850	102,75	81,53	
7 Quặng các loại	Tấn	300	1.100	700	1.100	233,33	63,64	
8 Xi măng	Tấn	4.671	13.100	9.345	13.100	200,06	71,34	
<b>III THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>								
1 Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	3.123	4.330	3.512	4.758	112,5	81,1	
- Quốc doanh	Tỷ đồng	680	1.020	744	1.020	109,4	73,0	
- Ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	2.443	3.310	2.768	3.738	113,3	83,6	
Phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng	3.123	4.330	3.512	4.758	112,5	81,1	
- Thương nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng	2.861,64	3.953,00	3.027,40	4.105,39	105,8	76,6	
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	261,40	377,00	317,53	426,00	121,5	84,2	

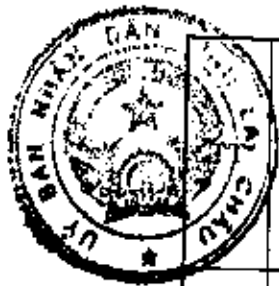
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
	- Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	Tỷ đồng			1,23	1,61			
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng			166,04	225,00			
2	<b>Xuất nhập khẩu</b>	Triệu USD	11,41	9,40	9,62	11,23	84,3	102,3	
a	<b>Giá trị hàng Xuất khẩu</b>	Triệu USD	3,48	7,20	8,02	9,03	230,6	111,4	
	- Giá trị xuất khẩu của tỉnh khác qua địa bàn	Triệu USD	1,38	1,50	1,24	1,50	90,4	83,0	
	- Giá trị xuất khẩu của địa phương	Triệu USD	2,10	5,70	6,78	7,53	322,5	118,9	
	Một số mặt hàng chủ yếu:								
	+ Thảo quả	Triệu USD		0,27	-	0,27			
	Sản lượng	Tấn	0	50	-	50			
	+ Chè	Triệu USD	1,32	2,53	0,90	1,20	68,2	35,6	
	Sản lượng	Tấn	617	1.150	424	545	68,7	36,9	
	+ Mủ cao su	Triệu USD	-	0,78	-	-			
	Sản lượng	Tấn	0	550	-	-			
	+ Hàng hóa khác (ngô, sắn, chuối lá)	Triệu USD	0,78	2,12	5,87	6,06	752,6	276,9	
b	<b>Giá trị hàng Nhập khẩu (S)</b>	Triệu USD	7,93	2,20	1,60	2,20	20,2	72,7	
	- Một số mặt hàng chủ yếu :								
	Thiết bị nhà máy tinh bột sắn	Triệu USD	-	-	0,07	0,07			
	Thiết bị thủy điện	Triệu USD	7,86	-	1,50	1,50	19,1		
	Đá chứa canxi	Triệu USD	0,06	-	0,04	0,04	58,3		
	Hàng hóa khác	Triệu USD	0	-	-	0,6			
	Phương tiện XNC	Lượt	94.820	120.000	105.000	135.000	110,7	87,5	
	Hành khách XNC	Lượt	2.008	3.000	2.350	3.100	117,0	78,3	



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú	
			Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017		
<b>3</b>	<b>Doanh thu vận tải</b>	Tr. đồng	133.819	190.659	143.013	190.659	106,9	75,0	
	Vận tải hàng hóa	Tr. đồng	81.747	104.862	89.577	104.862	109,6	85,4	
	Vận tải hành khách	Tr. đồng	52.073	85.797	53.437	85.797	102,6	62,3	
	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>								
<b>a</b>	<b>Vận tải hàng hóa</b>								
	- Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 tấn	894	1.365	1.010	1.365	113,0	74,0	
	+ Tốc độ tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển	%		5,00	11,49			229,8	
	- Khối lượng hàng hóa luân chuyển	1.000 tấn.Km	28.676	37.665	30.293	37.665	105,6	80,4	
	+ Tốc độ tăng khối lượng hàng hóa luân chuyển	%		5,00	5,34			106,7	
<b>b</b>	<b>Vận tải hành khách</b>								
	- Khối lượng hành khách vận chuyển	1.000 HK	891	1.313,0	937	1.313,0	105,2	71,4	
	+ Tốc độ tăng khối lượng hành khách vận chuyển	%		5,00	4,95			99,0	
	- Khối lượng hành khách luân chuyển	1.000 HK.Km	50.154	74.025	57.198	74.025	114,0	77,3	
	+ Tốc độ tăng khối lượng hành khách luân chuyển	%		5,00	12,32			246,3	
<b>4</b>	<b>Du lịch</b>								
<b>a</b>	<b>Tổng lượt khách du lịch</b>	Lượt khách	178.975	240.000	180.657	240.000	100,9	75,3	
	- Khách quốc tế	Lượt khách	19.840	24.000	19.865	24.000	100,1	82,8	
	- Khách nội địa	Lượt khách	159.135	216.000	160.792	216.000	101,0	74,4	
<b>b</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	290,5	377,4	283,0	377,4	97,4	75,0	
	- Khách quốc tế	Tỷ đồng	50,01	65,3	50,66	65,3	101,3	77,6	
	- Khách nội địa	Tỷ đồng	240,49	312,1	232,34	312,1	96,6	74,4	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
<b>IV</b>	<b>PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ</b>								
1	Phát triển doanh nghiệp								
	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập	DN	1.063	1.111	1.227	1.219	115,4	110,4	
	Số doanh nghiệp đang hoạt động lũy kế đến kỳ báo cáo	DN	1.068	1.005	1.110	1.109	103,9	110,4	
	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	95	140	129	140	135,8	92,1	
	<i>Trong đó: Tổng số vốn đăng ký mới</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1.853</i>	<i></i>	<i>1.890</i>	<i></i>	<i>102,0</i>	<i>0,0</i>	
	Số doanh nghiệp kinh doanh có lãi	DN	270	300	400	400	148,1	133,3	
	Số doanh nghiệp giải thể	DN	11	125	3	20	27,3	2,4	
	Đóng góp ngân sách	Tr. đồng	250.000	350.000	300.000	350.000	120,0	85,7	
2	Phát triển HTX								
	Tổng số HTX	HTX	273	275	300	297	109,9	109,1	
	<i>Trong đó: Thành lập mới</i>	HTX	<i>21</i>	<i>16</i>	<i>18</i>	<i>20</i>	<i>85,7</i>	<i>112,5</i>	
<b>V</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>								
<b>A</b>	<b>Xã hội- lao động - giải quyết việc làm</b>								
1	Số lao động được tạo việc làm	Người	5.653	6.900	5.684	6.900	100,5	82,4	
	<i>Trong đó: Lao động nữ</i>	<i>Người</i>	<i>2.846</i>	<i>3.456</i>	<i>2.847</i>	<i>3.456</i>	<i>100,0</i>	<i>82,4</i>	
2	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,80	2,70	2,70	2,70	96,4	100,0	
3	Tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn	%	10,0	10,0	10,0	10,0	100,0	100,0	
4	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	55	100	59	100	107,3	59,0	
	<i>Trong đó: Số lao động xuất khẩu trong năm</i>	<i>Người</i>	<i>55</i>	<i>100</i>	<i>59</i>	<i>100</i>	<i>107,3</i>	<i>59,0</i>	



	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
5	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	2.579	6.300	3.957	6.300	153,4	62,8	
	+ Đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng)	Người	2.368	6.000	3.737	6.000	157,8	62,3	
	+ Đào tạo nghề trung cấp	Người	211	300	220	300	104,3	73,3	
6	- Số lượt người được cai nghiện ma túy (6)	Lượt Người	26	300	50	300	192,3	16,7	
	Trong đó: + Cai tại trung tâm 05-06 tỉnh (7)	Lượt Người	26	100	50	100	192,3	50,0	
7	- Điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone	Người	2.003	2.400	2.020	2.400	100,8	84,2	
<b>B</b>	<b>Y tế - dân số</b>								
1	Số cơ sở y tế quốc lập (8)	cơ sở	134	132	134	131	100,0	101,5	
2	Tổng số cán bộ toàn ngành	Người	3.142	3.417	3.078	3.268	98,0	90,1	
	Trong đó:								
	Bác sỹ	Người	387	407	387	407	100,0	95,1	
	Số bác sỹ/vạn dân	/10.000	8,79	9,07	8,64	9,08	98,3	95,3	
	Dược sỹ	Người	40	44	43	44	107,5	97,7	
	Tỷ lệ dược sỹ/vạn dân	/10.000	0,91	0,98	0,96	0,98	105,5	98,0	
3	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (bao gồm bác sỹ làm việc định kỳ)	%	58,33	65,74	66,67	66,67	114,3	101,4	
4	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	9,26	13,89	13,89	13,89	150,0	100,0	
5	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	89,81	92,59	83,33	92,59	92,8	90,0	
6	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	95,00	96,05	96,2	96,2	101,3	100,2	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
7	Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%	18,65	17,18	19,00	19,00	101,9	110,6	
8	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	36,53	31,60	34,87	31,6	95,5	110,3	
9	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	44,37	51,5	43,91	51,5	99,0	85,3	
10	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	1/1000.000	38,25	83,0	45,20	82,00	118,2	54,5	
<b>C</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>								
1	Tổng số trường học	Trường	431	431	429	429	99,5	99,5	
2	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	94	127	112	127	119,1	88,2	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	21,81	29,47	26,11	29,60	119,7	88,6	
3	Tổng số phòng học	Phòng	6.655	6.800	6.712	6.800	100,9	98,7	
	Trong đó: tỷ lệ kiên cố hóa và bán kiên cố	%	81,09	83,85	83,20	83,85	102,6	99,2	
	Tổng số giáo viên	Người	9.678	9.955	9.773	9.955	101,0	98,2	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	99,13	99,22	99,00	99,22	99,9	99,8	
<b>D</b>	<b>Văn hóa - thông tin truyền thông</b>								
1	Điện ảnh								
	Tổng số buổi hoạt động nhà nước tài trợ	Buổi	867	1.075	830	1.075	95,73	77,21	
	Trong đó: + Số buổi chiếu vùng III	Buổi	767	935	720	935	93,87	77,01	
	+ Số buổi chiếu phục vụ vùng I	Buổi	100	140	110	140	110,00	78,57	
2	Biểu diễn nghệ thuật								
-	Số buổi biểu diễn	Buổi	60	80	66	80	110,00	82,50	
-	Trong đó: Biểu diễn phục vụ vùng cao	Buổi	42	60	50	60	119,05	83,33	
3	Viễn thông								



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 9 tháng năm 2016	Năm 2017			So sánh (%)		Ghi chú
			Kế hoạch	Ước TH 9 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ước TH 9 tháng năm 2017/TH 9 tháng năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2017/KH năm 2017	
- Tổng số trạm BTS	Trạm	678	697	1.137	1.200	168%	163%	
- Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	320.821	374.940	373.942	374.940	117%	100%	
- Tổng số thuê bao Internet	Thuê bao	15.407	20.858	19.663	20.858	128%	94%	
- Số xã có mạng Internet	xã	93	97	101	101	109%	104%	
<b>4 Phát thanh - truyền hình</b>								
- Tổng số giờ phát thanh	Giờ/năm	73.072	98.106	73.580	98.106	101%	75%	
- Tổng số giờ phát sóng FM	Giờ/năm	64.646	86.907	65.180	86.907	101%	75%	
- Tổng số giờ phát sóng truyền hình	Giờ/năm	180.756	246.034	184.526	246.034	102%	75%	

Ghi chú:

- (1): Do cấy chậm hơn cùng kỳ nên thu hoạch muộn, đến nay đã thu hoạch 10.000 ha
- (2): Năng suất giảm so với kế hoạch do ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu và sâu bệnh làm một số diện tích bị thiệt hại: 300 ha trà sớm bị lép hạt do thời tiết; 43 ha bị bệnh đạo ôn cổ bông gây hại nặng từ 10% trở lên (trong đó: gần 70 ha mất trắng)
- (3): Diện tích giảm do chuyển đổi sang cây trồng khác như Chuối, Quế... và mưa lũ làm thiệt hại 1,7 ha tại huyện Mường Tè
- (4) Do giá thị trường lợn hơi diễn biến bất thường, đến thời điểm hiện tại người dân bắt đầu tái đàn tuy nhiên gặp khó khăn về nguồn lợn giống khan hiếm và giá cao nên tốc độ tăng đàn và tổng đàn không đạt kế hoạch năm
- (5) Do các thủy điện đã phê duyệt chủ trương đang tiến hành thi công XD, chưa đến giai đoạn nhập thiết bị
- (6) Còn 200 chỉ tiêu cải thiện tại cộng đồng chưa thực hiện
- (7) Việc đưa các đối tượng vào cơ sở cải thiện bắt buộc gặp nhiều khó khăn do vướng mắc về thủ tục pháp luật
- (8) Sở y tế đang xây dựng Đề án giảm 3 phòng khám Nậm Hàng - huyện Nậm Nhùn, Tà Ngáo, Pa Há - huyện Sìn Hồ